

## CÔNG BẰNG XÃ HỘI

VÀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.

NGUYỄN TẤN HỒNG(\*)

**T**hực này tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội là mục tiêu kép của sự phát triển bền vững mà nhiều quốc gia trên thế giới đều mong muốn đạt tới. Nhưng trên thực tế này lại bất toàn khi mà không phải nước nào cũng có thể đưa ra lời giải thỏa đáng. Bởi lẽ nếu biến mục tiêu tốt đẹp này thành hiện thực, phải có hàng loạt vấn đề khách quan và chủ quan cần thiết, phải giải quyết nhiều mối quan hệ có liên quan với nhau trong mô hình kinh tế cụ thể

Ở Việt Nam, công bằng xã hội và là mục tiêu, và là những lĩnh vực mà nước coi là một nhân tố của sự phát triển và ổn định xã hội. Thực tiễn nói mỗi nước ta đã chứng minh, thực hiện công bằng xã hội và vấn đề lớn phức tạp, lâu dài và chủ yếu ta có nhiều yếu tố khác nhau trong nhiều kiến kinh tế – xã hội nhất định của đất nước. Về chủ trương thực hiện công bằng xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước

phát triển”<sup>(1)</sup>. Hơn nữa, Đảng ta còn khẳng định: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế nhưng theo mức đóng góp vốn cũng các nguồn lực khác thông qua phúc lợi xã hội”<sup>(2)</sup>. Từ những khẳng định này có thể thấy, công bằng xã hội là mục tiêu cốt lõi của chính sách xã hội, nhằm hướng tới sự ổn định xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước. Công bằng xã hội phải gắn liền với tăng trưởng kinh tế

Công bằng xã hội thông qua hiệu quả là một phạm trù chính trị – xã hội – văn hóa có tính chất lịch sử và có nội hàm khác nhau ở các chế

(\*) TS., Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TP.HCM.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 88.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 77-78.

nhà xã hội khác nhau, trong thời kỳ quy định chất chơi bó buộc hoàn cảnh cụ thể. Trong xã hội coi giai cấp thì các giai cấp thống trị đưa ra những tiêu chuẩn cho sự công bằng, mà phần lớn các tiêu chuẩn rồi rồi nếm lại lỗi ích và bảo vệ lợi ích cho giai cấp thống trị. Trong xã hội coi giai cấp, công bằng xã hội bỏ các lỗi ích giai cấp làm biến dạng và xuyên tạc đi. Công bằng xã hội nhìn qua lăng kính của giai cấp bỏ lỗi nặng nề với quyền lợi của giai cấp thống trị và nghĩa vụ của người lao động, cho nên nó tạo ra những mâu thuẫn không bao giờ có thể giải quyết được. Chính những mâu thuẫn này biến công bằng thành một khái niệm giả dối, lừa bịp. Các nhà tư tưởng trước C.Mác, như S.Phuriet, Xanh Ximông, R. Ôben cũng đã đưa ra những giải pháp nên công bằng xã hội. Tuy nhiên, những giải pháp này còn mang tính nửa vời, không tổng quát, thiếu hẳn cơ sở hiện thực. Chẳng hạn như Mác – Lênin, trên thực tế mới tìm được giải pháp cách mạng cho vấn đề công bằng xã hội: Công bằng xã hội chỉ tồn tại khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động nắm giữ phòng khối mỗi xiềng xích. Rằng, công bằng xã hội chỉ đạt được khi xóa bỏ những sự công bằng cho một thiểu số xã hội chủ nghĩa, đặt lợi ích trong vấn đề công bằng. Và như vậy, chế độ chủ nghĩa xã hội thúc đẩy mọi xã hội coi thể giải quyết được vấn đề công bằng một cách triệt để.

Khi đề cập đến vấn đề công bằng dưới chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng và hợp lý làm nhiều hơn, làm ít hơn ít, không làm thì không hơn. Những người giàu yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”<sup>(3)</sup>. Tuy nhiên, vào thời của mình, các nhà kinh nghiệm của chủ nghĩa Mác – Lênin, cũng nhờ Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ yếu nói về công bằng xã hội thể hiện tập trung ở chế độ phân phối theo lao động dưới chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, công bằng xã hội được hiểu không chỉ giới hạn ở công bằng về kinh tế mà còn

vấn đề yếu tố nhân tính, mà còn là công bằng trong các lĩnh vực chính trị, pháp luật, văn hóa, giáo dục, y tế... Nhìn một cách tổng thể công bằng xã hội là một giải quyết cân bằng, nhìn hướng cho việc giải quyết mối quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với xã hội trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội theo nguyên tắc của sự hài hòa giữa sự công bằng và công bằng, giữa quyền lợi và nghĩa vụ. Công bằng và vật chất và tinh thần do xã hội tạo ra, phù hợp với khả năng hiện thực cho tất cả. Mặc dù hoàn cảnh cụ thể của mỗi người khác nhau, song việc tạo nên kiến thức cho mọi người, nhất là cho những người trong hoàn cảnh khó khăn, nếu có thể tiếp cận một cách công bằng với các cơ hội phát triển, nguồn lực phát triển, các dịch vụ xã hội công bằng và y tế, thông tin,... mang tính an sinh xã hội luôn là vấn đề có vai trò quan trọng trong thực hiện công bằng xã hội ở tất cả các nước.

Tiểu chí hàng đầu của công bằng xã hội ở nước ta hiện nay là xem xét có lợi hay không có lợi cho đời sống nhân dân và sự phát triển đất nước. Lợi ích chung, công bằng xã hội là mục tiêu, là động lực của sự phát triển và ổn định xã hội, nên đời sống là cốt lõi cho nhân dân và sự phát triển của đất nước. Kinh nghiệm cho thấy, đạt công bằng xã hội lên hàng đầu trong việc kiến tạo khối liên kết và kinh tế có thể dẫn tới việc thực hiện những yếu tố phát triển kinh tế không đạt hiệu quả kinh tế lên hàng đầu theo lời “chủ nghĩa tôi do tôi” lại dẫn tới và ngay một khối sự thêm sự ngăn cản xã hội và nhất là đưa một số người không như và tình trạng nghèo khổ bất tài và cuối cùng, rất có thể tạo ra những trở ngại lớn cho hiệu quả phát triển kinh tế. Vì vậy, cần phải có một giải pháp linh hoạt, hài hòa, trong nội dung của công bằng xã hội và tăng cường kinh tế không nói lập nhau, loại bỏ nhau, mà làm cho hai mặt này trở thành tiền đề của nhau; hơn nữa, phải làm cho mặt này bao hàm cái kia ở mức độ nào đó hợp lý nhất. Nhiều nơi càng trở nên cần thiết, khi mà ngay nay, mọi lý luận về sự phát triển nếu bắt đầu bằng hiệu quả phát triển không hướng tới tăng cường kinh tế và nếu nhân mạnh nội dung

(3) Hồ Chí Minh. Toàn tập, t.9. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 175.

cô bản, mức tiêu cao nhất của sự phát triển là vì con người. Sự kết hợp, sự giao thoa của hai mặt nội phải nhìn xem xét theo những tiêu kiện của thế của nước ta, chủ yếu là theo trình độ phát triển kinh tế truyền thống và yếu tố tâm lý dân tộc. Ở đây, không thể có mô hình cũ sẵn.

Qua hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu: Kinh tế phát triển nhanh chóng, khai thác lợi thế trong nhiều năm, năm sau cao hơn năm trước; đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Riêng thời kỳ 1991 – 2000, GDP tăng gấp đôi, trong thời kỳ kinh tế khó khăn giảm còn một nửa (từ 60% xuống còn 32% theo chuẩn quốc tế – nước quốc tế hình giai cấp). Chúng ta đã “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015” mà Liên hiệp quốc đưa ra<sup>(4)</sup>. Trong cùng thời gian, chỉ số phát triển con người (HDI) tăng từ mức dưới trung bình: 0,498 (năm 1991) lên mức trên trung bình: 0,688 (năm 2000), xếp thứ 109/173 nước nước thế giới.

Tuy nhiên có một số phát triển hạn chế và qua, những do niềm xuất phát thấp nên hiện nay, nước ta còn phải giải quyết một số vấn đề nóng bỏng, với trên 63% lực lượng lao động xã hội tập trung trong các ngành nông – lâm – ngư nghiệp; công nghiệp còn nhỏ bé dịch vụ chưa phát triển; nền kinh tế thị trường nền tảng xã hội chủ nghĩa chưa được thể chế hóa một cách rộng rãi; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém. Trong lĩnh vực phát triển xã hội, nhiều chính sách đã ban hành và đưa nước ta tiến bộ, một số chính sách còn thiếu hoặc còn những điểm bất cập. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và miền núi... còn nhiều khó khăn. Khoảng cách giàu – nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn,

miền xuôi và miền núi đang có xu hướng dãn ra. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê hệ số chênh lệch về thu nhập giữa nhóm giàu nhất (20%) và nhóm nghèo nhất (20%) trong tổng số dân cư nông thôn là 5,6 lần ở năm 1992, năm năm 1997-1998 đã tăng lên 10,47 lần. Mỗi năm gần đây, việc xóa đói giảm nghèo có xu hướng chậm lại, số hộ nghèo tăng lên. Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn cao (tổng cộng là 6% và khoảng 29% hiện nay). Hiện tượng làm giàu bất chính do tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo, rửa tiền và các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Từ hoàn cảnh của nước ta hiện nay, sự kết hợp giữa công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế vẫn còn gặp phải những khó khăn. Một mặt, tình trạng bao cấp của Nhà nước vẫn còn ở một số lĩnh vực; mặt khác, nước ta đang trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường nền tảng xã hội chủ nghĩa, nên ở một mức độ nào đó vẫn còn tồn tại những yếu tố vô chính phủ, tội phạm, nạn quỵên, lương nhân làm cho kinh tế thị trường mang tính chất “hoang dã”. Kinh tế thị trường tuy có kích thích những hoạt động kinh tế nhưng lại để lại một số vấn đề xã hội như: thất nghiệp, lạm phát, ô nhiễm môi trường, lối sống ích kỷ, chạy theo tiền bạc, lối nhậu nhẹt, cách mua sắm. Không thể phủ nhận nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay không thể không tạo ra những bất công xã hội mới. “Tội lỗi” này không phải do bản thân kinh tế thị trường tạo ra, mà do những tác nhân phá hoại nội dung nội dung “đạo đức”.

Chúng ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường nền tảng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, với những hoạt động sinh lời thật sự và nước ta phải tuân thủ các quy định của pháp luật kiểm soát chất lượng và lợi ích cho quốc gia dân sinh. Bản thân kinh tế thị trường không tự nó mà công bằng xã hội mà trái lại, còn làm gia tăng phân hóa giàu nghèo, kéo theo nhiều mâu thuẫn và xung đột xã hội nan giải. Vì vậy, phải có những cơ chế nhiều tiết xã hội thông qua Nhà nước để phân phối lại những kết quả hoạt động kinh tế theo hướng năm nào công bằng xã hội ở mức cần thiết tối

(4) Cơ quan đại diện Liên hiệp quốc tại Việt Nam. Một số mục tiêu phát triển thiên niên kỷ nên với người dân. Hà Nội, 2001, tr. 1,.



và bên ngoài vào nhà tổ phát triển, các biệt căn chui trong các nguồn lực trong nước, trong nhân dân, bởi vậy là nguồn lực rất quan trọng và là yếu tố quyết định; thực hiện xã hội hóa nhà nước với nền ổn định nghĩa, coi đây không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước, mà còn là nhiệm vụ của toàn xã hội; xây dựng các chương trình xóa đói giảm nghèo; ban hành các chính sách nhằm bảo vệ an sinh xã hội, nhờ chính sách ưu đãi, bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội, cứu tế xã hội và tổng trợ xã hội; giảm dần số cách biệt giữa các vùng, miền. Tiếp nữa, ưu tiên nhà tổ cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, nâng lương, kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội nông thôn; nhà tổ nhiều hơn vào các công trình phát triển giáo dục, y tế ở vùng sâu, vùng xa; quan tâm nhà tổ phát triển các vùng các biệt biệt khó khăn, vùng nông thôn miền núi thiếu số lượng cán bộ công nhân viên chức và công nhân viên chức, vùng bị chiến tranh tàn phá...

*Ba là* kiến quyết chống tham nhũng, sử dụng công hiệu của các nguồn vốn trong nước, ngân sách tình trạng an ninh, an dân. Thực hiện công bằng trong phân phối và thu nhập theo phương thức phân phối theo lao động. Công khai, minh bạch tài chính, tài sản công và tổ. Tạo cơ hội cho tất cả các tầng lớp dân cư và các nhân phát huy tài năng, tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội.

*Bốn là* cần tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt, coi sự tham gia của các cấp, các ngành, sử dụng nhiều “binh chủng hợp thành”, nhiều biện pháp kết hợp nhằm ngăn chặn và đẩy lùi công hiệu của những hiện tượng làm giàu bằng mọi giá

không chấp pháp luật (nhờ buôn gian, bán lận, lừa đảo, nhà tổ, nhà tổ, ...) hoặc mình ai này làm, vì đây chính là nhân tố và làm toàn hai nền tảng trường kinh tế chung, và tạo ra bất công xã hội lớn nhất.

*Năm là* khác phục và hạn chế các khuyết tật của nền kinh tế thị trường, nhất là sự phân hóa giàu nghèo; tạo điều kiện cho những người thiệt thòi, rút ra công hiệu kiến vốn lên hòa nhập công nông. Tạo lập nếp sống văn minh, duy trì và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần bảo vệ nền sự phát triển nhanh và bền vững của nhà nước.

Hiệu quả của công bằng xã hội là nền tảng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Nếu thực hiện công bằng xã hội công hiệu quả. Nếu và Nhà nước ngoài việc coi những chính sách này nhằm và kịp thời, cần phải thực hiện các chính sách nội dung mục tiêu, nâng đỡ tổng và nhằm bảo vệ chính sách xã hội từ trước cuộc sống. Hiệu quả của các chương trình, chính sách phải nỗ lực những chuyển biến cụ thể trên tổng hòa phương, tổng doanh nghiệp và cơ sở Chính sách xã hội phải nỗ lực cụ thể hóa bằng các chương trình, đổi mới công hiệu, hình thành các quy mô xã hội, phát huy sức mạnh của công nông, của cơ sở và của các tổ chức xã hội, xây dựng và phát triển hệ thống sự nghiệp và dịch vụ xã hội, ... nhằm mang lại cho người dân một cuộc sống công bằng nhiều hơn, này nếu tiến nghi hơn và tốt nếp hôn, cũng nhờ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà toàn Nếu, toàn quan, toàn dân ta một lòng một sức xây dựng.

